

Số: /SGDDĐT-GDTrH
V/v hướng dẫn tổ chức, quản lý
dạy học trực tuyến từ năm học 2025-2026

Hải Phòng, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND xã, phường và đặc khu;
- Hiệu trưởng trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi tắt là Thông tư 09/2021); Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (sau đây gọi tắt là Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT);

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDTP ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026;

Sở GDĐT hướng dẫn tổ chức, quản lý dạy học trực tuyến từ năm học 2025-2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đa dạng các hình thức dạy học, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai chương trình giáo dục phổ thông.
- Phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học; thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành giáo dục.
- Mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học ở mọi lúc, mọi nơi.

2. Yêu cầu

- Nội dung dạy học trực tuyến phải đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông.
- Bảo đảm các điều kiện tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật dạy học trực tuyến và đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trực tuyến.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thông tin, quy định về dữ liệu, thông tin cá nhân, sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật.

II. TỔ CHỨC DẠY HỌC TRỰC TUYẾN

1. Nội dung dạy học trực tuyến

- Nội dung dạy học trực tuyến phải căn cứ vào chương trình môn học do Bộ GD&ĐT ban hành, bảo đảm tính chính xác, khoa học, phù hợp với đối tượng học sinh.

- Phải được xây dựng theo kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được phê duyệt (kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học từng môn, từng khối lớp).

- Tích hợp, điều chỉnh linh hoạt phù hợp với hình thức trực tuyến: Ưu tiên những nội dung có thể truyền đạt hiệu quả qua môi trường trực tuyến. Các hoạt động thực hành, thí nghiệm (đặc biệt ở các môn như Vật lý, Hóa học, Công nghệ...) cần được thiết kế thay thế bằng mô phỏng, video minh họa hoặc tổ chức trực tiếp khi điều kiện cho phép.

- Nội dung dạy học trực tuyến cần được thiết kế sao cho liên tục, có sự kế thừa với dạy học trực tiếp, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót kiến thức.

- Không sử dụng nội dung vi phạm bản quyền, có nội dung phản cảm, sai lệch hoặc không phù hợp với học sinh phổ thông.

- Đảm bảo nội dung không vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo, bảo mật thông tin học sinh, tôn trọng quyền riêng tư.

Dạy học trực tuyến được tổ chức trong trường hợp bất khả kháng khi học sinh không thể đến trường để bảo đảm tiến độ và hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định, hoặc được triển khai nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

2. Học liệu dạy học trực tuyến

- Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Học liệu dạy học trực tuyến phải phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông phải được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt.

3. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học trực tuyến

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả học tập trực tuyến của học sinh được thực hiện trong quá trình dạy học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá thường

xuyên trong dạy học trực tuyến được thực hiện theo quy định về kiểm tra, đánh giá thường xuyên của Bộ GDĐT.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ kết quả học tập trực tuyến của học sinh được thực hiện trực tiếp tại nhà trường theo quy định về kiểm tra, đánh giá định kỳ của Bộ GDĐT; trong trường hợp bất khả kháng không tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ trực tiếp tại nhà trường, hiệu trưởng chỉ đạo tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ phù hợp với điều kiện thực tế.

- Trường hợp học sinh không thể đến cơ sở giáo dục phổ thông tại thời điểm kiểm tra, đánh giá định kỳ vì lý do bất khả kháng, việc tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện bằng hình thức trực tuyến; người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông quyết định lựa chọn hình thức kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định của Bộ GDĐT, bảo đảm việc kiểm tra, đánh giá, chính xác, công bằng, khách quan, trung thực.

4. Quản lý và lưu trữ hồ sơ dạy học trực tuyến

Hồ sơ dạy học trực tuyến được bảo quản và lưu trữ tại cơ sở giáo dục phổ thông gồm có:

- Hồ sơ, minh chứng về các yêu cầu quy định về dạy học trực tuyến;
- Dữ liệu về quá trình dạy học trực tuyến trên hệ thống dạy học trực tuyến;
- Kế hoạch dạy học trực tuyến và kế hoạch dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục phổ thông chi tiết theo tuần, tháng, năm cho từng môn học, hoạt động giáo dục;
- Hồ sơ kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh theo quy định.

Cơ sở giáo dục phổ thông quy định cụ thể quy trình và thời hạn lưu giữ hồ sơ dạy học trực tuyến theo Luật lưu trữ và các văn bản quy định hiện hành.

5. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật dạy học trực tuyến

a. Đường truyền và kết nối Internet

- Bảo đảm đường truyền Internet ổn định, tốc độ đáp ứng yêu cầu dạy - học trực tuyến, ưu tiên cáp quang hoặc các giải pháp thay thế có chất lượng tương đương để hỗ trợ video, âm thanh và chia sẻ dữ liệu không bị gián đoạn (tốc độ download ≥ 10 Mbps cho học sinh, ≥ 20 Mbps cho giáo viên).

- Có phương án dự phòng khi đường truyền chính gặp sự cố.
- Cần có kết nối Internet ở mọi khu vực trường học và tạo điều kiện cho giáo viên, học sinh ở nhà cũng có thể truy cập Internet.

b. Thiết bị phục vụ dạy và học

- Giáo viên, học sinh có thiết bị truy cập (máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh) đáp ứng yêu cầu cài đặt phần mềm, trình chiếu và tương tác.

- Thiết bị của giáo viên, học sinh cần có camera, micro, loa đảm bảo chất lượng âm thanh, hình ảnh (camera độ phân giải HD 720p, micro chống ồn, tai nghe/loa rõ ràng).

- Trường học cần bố trí phòng/không gian chuyên dùng cho giáo viên thực hiện dạy trực tuyến khi cần thiết.

c. Phần mềm và nền tảng dạy học

Phần mềm dạy học trực tuyến cần đáp ứng:

- Tổ chức các buổi học theo thời gian thực, hỗ trợ hình ảnh, âm thanh rõ ràng.

- Hỗ trợ giáo viên trình chiếu bài giảng, video, tài liệu PDF, PowerPoint, hoặc chia sẻ màn hình.

- Có công cụ tạo bài tập, bài kiểm tra trắc nghiệm/tự luận và tự động chấm điểm (nếu có thể).

- Có tính năng theo dõi thời lượng học, điểm danh, quản lý kết quả học tập.

- Hỗ trợ chat, hỏi – đáp, giơ tay phát biểu, chia nhóm thảo luận (breakout rooms).

- Có thể chạy tốt trên máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng và trên nhiều hệ điều hành (Windows, macOS, Android, iOS).

- Phù hợp với điều kiện thiết bị của học sinh, nhất là ở vùng nông thôn.

- Cho phép ghi lại buổi học để học sinh xem lại khi cần.

- Dễ sử dụng.

- Giúp học sinh tương tác, trao đổi thông tin theo thời gian thực với giáo viên và những học sinh khác trong cùng một không gian học tập.

d. Hệ thống quản lý dạy và học trực tuyến

Hệ thống quản lý dạy và học trực tuyến cần bảo đảm các yêu cầu tối thiểu sau:

- Giúp giáo viên tổ chức lưu trữ, chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến với học sinh; giao nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; theo dõi và hỗ trợ học sinh khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học sinh;

- Cho phép học sinh truy cập, khai thác nội dung học tập học liệu dạy học trực tuyến; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giáo viên; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với giáo viên và các học sinh khác trong cùng không gian học tập.

- Cho phép cơ sở giáo dục phổ thông quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của học sinh và các hoạt động dạy của giáo viên; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu của cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND xã, phường, đặc khu

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học trực tuyến tại các cơ sở giáo dục trong phạm vi quản lý bảo đảm theo đúng quy định.
- Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ dạy học trực tuyến đối với các trường trung học cơ sở trong phạm vi quản lý.

2. Các nhà trường

Người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông chịu trách nhiệm toàn diện trong việc tổ chức và triển khai hoạt động dạy học trực tuyến gồm:

- Quyết định hình thức dạy học trực tuyến trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; xác định mục tiêu, mức độ hoặc yêu cầu cần đạt của nội dung dạy học trực tuyến để bảo đảm chất lượng dạy học;
- Xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục;
- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, phương pháp học trực tuyến cho học sinh. Hướng dẫn giáo viên, nhân viên thực hiện các yêu cầu của dạy học trực tuyến;
- Phân công trách nhiệm cụ thể cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và phối hợp với phụ huynh học sinh trong tổ chức dạy học trực tuyến;
- Xây dựng, lựa chọn và thẩm định học liệu sử dụng trong dạy học trực tuyến;
- Thông báo hình thức dạy học trực tuyến, kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến cho học sinh và phụ huynh học sinh;
- Tổ chức và quản lý dạy học trực tuyến theo kế hoạch;
- Chỉ đạo thu nhận sản phẩm học tập, đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Quản lý hồ sơ tài khoản của học sinh và giáo viên dùng trong các phần mềm tổ chức dạy học trực tuyến được xác định theo mã số định danh cá nhân của học sinh và giáo viên từ cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.
- Tăng cường các giải pháp nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật dạy học trực tuyến, học liệu dạy học trực tuyến và đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học trực tuyến.
- Xây dựng và ban hành các yêu cầu, nội quy, quy định về tổ chức và quản lý hoạt động dạy học trực tuyến, bảo đảm đúng quy định của ngành trong đó nêu rõ quy định đối với giáo viên và học sinh.
- Cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có liên quan tham gia tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp và kỹ năng cần thiết để tổ chức dạy học trực tuyến.
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả của việc tổ chức dạy học trực tuyến, kịp thời xử lý những vướng mắc trong quá trình triển khai dạy học trực tuyến; định kỳ mỗi năm hai lần, tại thời điểm kết thúc mỗi học kỳ, đánh giá, rút kinh

nghiệm về tổ chức hoạt động dạy học trực tuyến và tổng hợp những khó khăn, nguyên nhân, kiến nghị gửi về UBND xã, phường, đặc khu (đối với các trường THCS), Sở GDĐT (đối với các trường THPT).

- Thực hiện quản trị kỹ thuật hệ thống, sử dụng các công cụ công nghệ thông tin để hỗ trợ giáo viên và học sinh khi cần thiết.

- Xây dựng chỉ tiêu phân đầu về công tác chuyển đổi số căn cứ vào nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy, học” của Cấu trúc Bộ chỉ số của Quyết định 5725/QĐ-BGDĐT để tự đánh giá Mức độ chuyển đổi số trong tổ chức và quản lý dạy học trực tuyến tại đơn vị mình (*Phụ lục kèm theo*). Báo cáo kết quả tự đánh giá gửi về Phòng Văn hóa – Xã hội (đối với cấp trung học cơ sở) và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông).

- Chỉ đạo, yêu cầu giáo viên tích cực tham gia tập huấn, bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ thông tin và có năng lực để tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến; thực hiện dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến của học sinh đúng kế hoạch của nhà trường và bảo đảm mục tiêu giáo dục theo quy định; tạo môi trường học tập thân thiện và tăng cường sự tương tác, kết nối thông tin với học sinh; phối hợp thường xuyên với phụ huynh học sinh trong quá trình tổ chức dạy học trực tuyến;

Trên đây là hướng dẫn về việc tổ chức và quản lý dạy học trực tuyến năm học 2025 - 2026. Sở GDĐT đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị thông tin kịp thời về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Trung học) để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GDTTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Duy Hưng

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	30	Tối đa 6 điểm Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Đường link
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Đường link và số lượng học liệu
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 5 điểm		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 6 điểm		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ^[1]		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm		

[1] Mức độ 1 (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

